

Bản án số: 24 /2024/DS - PT
Ngày: 05 - 4 - 2024.
V/v: “Tranh chấp Hợp đồng bảo
hiểm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Anh

Ông Nguyễn Quang Trung

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị
Tuyết L – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 12
năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do có kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B là bị đơn đối với bản Dân sự
sơ thẩm số: 21/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng
Mai, tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12 /2024/QĐPT-DS ngày 06
tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Quang H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn S, xã Q, thị xã H, Tỉnh Nghệ An. có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trương Quang H: Ông
Vũ Tiến V – Luật sư thuộc công ty B – Đoàn luật sư H8. có mặt.

- Bị đơn: Tổng công ty cổ phần B (tên viết tắt Bảo hiểm B)

Địa chỉ trụ sở: Tầng 21-22, Tòa nhà MIPEC, số B T, quận Đ, thành phố
Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hương G – chức vụ: Tổng
giám đốc Tổng công ty cổ phần B. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Hoàng H1 - Luật sư, (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Thùy D. Có mặt

Đều công tác tại Văn phòng L5 và Cộng sự

Địa chỉ: Lô S, tầng 2, tòa nhà DV02 RoseTown, số G đường N, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

3. Ông Nguyễn Ngọc T

Tổng công ty B; địa chỉ: Tầng B- B Tòa nhà M, B T, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt

4. Ông Hoàng Văn H2 - Công ty B; địa chỉ: Số A, đường N thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt

5. Ông Bùi Phi L1 - Tổng Công ty cổ phần B chỉ: Tầng 21- 22 Tòa nhà MIPEC, B T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

(theo giấy ủy quyền ngày 15/12/2023)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Phạm Thị Hồng V1 - Văn phòng Luật sư ND. Hoàng H3 và Cộng S. Có đơn xin xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị L2, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn S, xã Q, thị xã H, Tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người kháng cáo: Tổng Công CTCP Bảo hiểm B- Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn khai:

Tàu cá biển kiểm soát NA90682 –TS công suất 822,8 CV được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số N0 90682/2017 mang tên chủ tàu Trương Quang Hòa cấp ngày 29/12/2017. Hành nghề khai thác chụp 4 sào. Anh Trương Quang H có mua bảo hiểm của Tổng công ty cổ phần B chi nhánh N1 theo giấy chứng nhận bảo hiểm số P-18/NAN/NVU/2600/0046 ngày 27/7/2018 có hiệu lực từ 07 giờ ngày 27/7/2018 đến 07 giờ ngày 27/7/2019. Tàu cá được lắp thiết bị giám sát hành trình, thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng có đủ bằng cấp theo quy định. Tàu đủ an toàn kỹ thuật để đi biển.

Tàu cá biển kiểm soát NA90682 –TS xuất bến tại cảng L vào ngày 05/7/2019. Trên thuyền có 9 thuyền viên. Anh Trương Quang H là thuyền trưởng, thuyền phó là anh Trần Đình L3, máy trưởng là anh Dương Văn H4, máy phó là anh Đậu Đình N. Các thuyền viên có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng phù hợp với quy định pháp luật. Sau khi đánh bắt được khoảng hơn 10 tấn cá, hơn 1 tấn mực trị giá hơn 400 triệu đồng, sau đó tàu chuẩn bị đi về cảng. Khi chuẩn bị về thì được biết theo lịch thủy triều tàu cá chưa thể đi vào cảng cá L vì mức nước thấp. Trong quá trình chờ thủy triều lên để đi vào cảng anh H và các thuyền viên

dò thấy bầy cá nên tàu cá thả “Bong” trôi theo bầy cá vào khoảng 15 giờ ngày 12/7/2019. Chờ đến khoảng 18 giờ mới tiến hành bật điện trên tàu để làm nghề.

Vào khoảng 01 giờ ngày 13 tháng 7 năm 2019 thì tàu cá đang thả trôi ở Tọa độ 19° 28’30”N, 106°35’45”E anh H thấy khói bốc lên từ khoang máy. Anh H kêu gọi các thuyền viên dập lửa nhưng do lửa cháy lớn nên không dập được. Anh H yêu cầu các thuyền viên chạy lên phía mũi tàu và sử dụng icom gọi cấp cứu. Sau đó các thuyền viên được tàu cá anh Trần Đình H5 và anh Nguyễn Quốc T1 đến ứng cứu. Đến khoảng 4 giờ thì tàu chìm hẳn. Vị trí tàu cháy cách đường ranh giới vùng khơi khoảng 2 hải lý. Theo thông báo kết quả điều tra nguyên nhân vụ cháy tàu đánh bắt cá số đăng ký NA -90682 TS ngày 19/8/2019 của phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn Công an tỉnh N kết luận nguyên nhân cháy: “Do máy phát điện cung cấp lượng điện cho hệ thống chiếu sáng của tàu, phục vụ cho việc chiếu cá nhiệt lượng tỏa ra lớn, gây cháy toàn bộ dây ê may, các lớp cách điện bị nóng chảy, gây cháy lan vào các lớp nỉ đã ngấm dầu và các bể chứa dầu bên cạnh, gây nên vụ cháy trên. Ngoài ra, nguyên nhân vụ cháy không do tác động của con người”.

Sau khi tàu cháy anh H đã yêu cầu công ty B thực hiện việc chi trả bảo hiểm nhưng không được công ty chi trả bảo hiểm. Đến ngày 16/2/2022 Công ty B có văn bản từ chối chi trả bảo hiểm. Không đồng ý với việc từ chối chi trả bảo hiểm của công ty B. Anh Trương Quang H khởi kiện công ty cổ phần B ra Tòa án và yêu cầu Tổng công ty cổ phần B có nghĩa vụ trả số tiền bảo hiểm theo giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh H là 6.000.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm của số tiền bảo hiểm từ ngày tàu cháy đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 10%/năm. Tạm tính đến ngày 16/8/2023 số tiền lãi là 2.400.000.000 đồng, tiếp tục tính lãi suất đối với số tiền bảo hiểm cho đến khi thi hành án xong.

Lý do công ty bảo hiểm phải chi trả vì trong giấy chứng nhận bảo hiểm quy định phạm vi hoạt động của tàu cá là trong vùng biển Việt Nam. Tàu cá của anh H hoạt động trong vùng biển Việt Nam. Nếu tàu cá khai thác ngoài phạm vi giấy phép khai thác thì anh H sẽ chịu trách nhiệm với nhà nước mà không phải với công ty B. Quá trình mua bảo hiểm anh H không được giải thích về các quy tắc bảo hiểm, công ty bảo hiểm không giao các bộ quy tắc bảo hiểm cho anh H. Trong quá trình ở địa phương anh H không thấy UBND xã hoặc Chi cục thủy sản tổ chức giải thích về quy tắc bảo hiểm. Đối với “Giấy yêu cầu bảo hiểm” không điền ngày do công ty B cung cấp có chữ ký của anh Trương Quang H nhưng anh H chỉ ký tên theo yêu cầu của nhân viên bán bảo hiểm mà nội dung trong giấy này không phải cho anh H viết, anh H cũng không nhận được bộ Q bảo hiểm như Công ty B trình bày.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về thời điểm bắt đầu tính lãi suất chậm trả được tính từ ngày 26/5/2020 là ngày tiếp theo của thời điểm anh H nộp đầy đủ hồ sơ yêu cầu bảo hiểm (ngày 25/5/2020) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2023 với mức 10%/năm thành tiền là 2.000.000.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.000.000.000 đồng.

- Tại văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn và quá trình tố tụng tại Tòa án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Sau khi nghiên cứu đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập, PJICO nhận thấy không có cơ sở để Tòa Án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc PJICO phải bồi thường cho nguyên Đơn số tiền 6.000.000.000 đồng và tiền lãi suất với các lý do như sau:

Thứ nhất: Việc chủ tàu khẳng định phạm vi hoạt động được phép của Tàu Cá bao gồm cả vùng khơi và vùng lộng trên cơ sở Giấy chứng nhận bảo hiểm số P-18/NAN/NVU/2600/0046 là không có căn cứ và Chủ tàu đã cố tình không đề cập đến giấy tờ pháp lý quan trọng quy định vùng khai thác của Tàu cá đó là Giấy phép khai thác thủy sản.

- Căn cứ theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá của tàu NA-90682-TS, trạng thái kỹ thuật của tàu thỏa mãn hoạt động vùng “Hạn chế II”, được phép hoạt động tại vùng biển Việt Nam nên **B** đã cấp cho tàu NA-90682-TS Giấy chứng nhận bảo hiểm số P-18/NAN/NVU/2600/0046 ngày 27/07/2018 ghi phạm vi hoạt động là vùng biển và vùng nước liên quan đến biển Việt Nam.

Tuy nhiên, với tàu cá (tàu khai thác thủy sản) thì tàu còn phải tuân thủ thêm quy định tại Giấy phép khai thác thủy sản về vùng khai thác. Tại Giấy phép khai thác thủy sản số 0231/16/KTTS do **C-Sở N2** cấp và được gia hạn ngày 02/3/2019 có hiệu lực đến hết ngày 02/9/2019 thì tàu cá NA-90682-TS được khai thác thủy sản tại vùng khơi - Biển Việt Nam.

- Vùng hoạt động của tàu cá được hiểu đúng là vùng tàu được phép di chuyển. Vùng khai thác thủy sản là vùng tàu được phép đánh bắt/ khai thác thủy sản. Do đó, việc đi lại và khai thác thủy sản của Tàu cá được thực hiện một cách hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định về vùng hoạt động của cả Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá và Giấy phép khai thác thủy sản. Việc chủ tàu chỉ căn cứ vào vùng hoạt động nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số P-18/NAN/NVU/2600/0046 mà cố tình không đề cập đến vùng khai thác quy định tại Giấy phép khai thác thủy sản là không đầy đủ. Sự lập lờ giữa hai khái niệm “vùng hoạt động” và “vùng khai thác thủy sản” sẽ gây hiểu lầm trong khi đó tàu NA-90682-TS đang thực hiện khai thác (đánh bắt) thủy sản khi tàu bị nạn.

Giấy phép khai thác thủy sản tàu cá NA-90682-TS được cấp bởi **Chi cục thủy sản tỉnh C**- một cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Chính vì vậy nó là căn cứ pháp lý quan trọng nhất xác định vùng khai thác thủy sản hợp pháp của Tàu Cá.

Thứ hai: Tại thời điểm xảy ra sự cố cháy, Tàu cá NA-90682-TS đang khai thác thủy sản tại vùng biển ngoài phạm vi cho phép, vi phạm quy định về phạm vi hoạt động của tàu cá, và do đó đã đánh mất quyền được hưởng bồi thường bảo hiểm theo các điều khoản, điều kiện theo **Q Bảo Hiểm T**.

Theo quy định tại điểm a, khoản 1 điều 43 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của tàu cá trên các vùng biển Việt Nam thì tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên chỉ được phép hoạt động tại vùng khơi, không được hoạt động tại vùng ven bờ và vùng lộng”. Theo tinh thần của điều luật, đây là một nghĩa vụ của tàu cá khi thực hiện đánh bắt thủy sản mà theo đó chủ tàu/thuyền viên buộc phải tuân thủ.

Theo thông số kỹ thuật được ghi trên Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số 592/ĐKTC, tàu cá NA-90682-TS có chiều dài 25,4 mét. Đối chiếu với quy định tại 2 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 08/03/2018 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản 2017 có hiệu lực thi hành từ ngày 25/04/2019 và đang còn hiệu lực thi hành.

Theo khai báo các thuyền viên và kết quả làm việc với các bên liên quan, Giám định viên Nguyễn Việt H6-Công ty Cổ phần G1 kết luận “*tại thời điểm xảy ra sự cố, tàu NA-90682-TS đang khai thác hải sản tại tọa độ 19.28N; 106.35E. Căn cứ tọa độ xảy ra tổn thất do các bên cung cấp, Giám định viên tiến hành tác nghiệp bản đồ tọa độ trên thuộc Vùng lộng theo phụ lục IV-A*, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP quy định về phân vùng tuyến khai thác thủy sản trong vùng biển Việt Nam.*”. Như vậy, tại thời điểm xảy ra tổn thất, tàu cá NA-90682-TS đang khai thác hải sản tại Vùng lộng trong khi phạm vi được phép khai thác hải sản là Vùng K.

Điều 15 Quy Tắc Bảo Hiểm Thân Tàu quy định về các trường hợp loại trừ bảo hiểm. Trong đó, điểm b, mục 1 quy định rõ trường hợp tàu hoạt động ngoài phạm vi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam là một trong các trường hợp loại trừ bảo hiểm.

Việc định vùng cho phép tàu cá NA-90682-TS khai thác thủy sản do các cơ quan có thẩm quyền nhà nước quy định hoặc đặt ra. Cụ thể, việc phân vùng khai thác đánh bắt thủy sản được pháp luật hóa bằng nghị định của Chính phủ; việc phân định vùng khai thác đối với tàu cá NA-09682-TS do cơ quan quản lý Nhà nước chuyên trách thực hiện (cụ thể Giấy phép khai thác thủy sản số 0231/16/KTTS do C-Sở N2 cấp ngày 16/05/2016). Tóm lại, phân vùng khai thác thủy sản, quản lý hoạt động khai thác của tàu cá trên vùng biển Việt Nam đều do các cơ quan quản lý nhà nước hoặc thực hiện ủy quyền của nhà nước quy định. Chủ tàu (đồng thời là thuyền trưởng) đã tiến hành khai thác thủy sản tại vị trí Vùng lộng trong khi Tàu Cá của mình được cấp phép khai thác tại vùng khơi là vi phạm các quy định của cơ quan quản lý Nhà nước về khai thác thủy sản. Chính vì vậy, sự kiện tàu cá NA-90682-TS bị cháy và chìm ngày 13/07/2019 khi đang tiến hành khai thác thủy sản thuộc điểm loại trừ đối với bảo hiểm thân tàu cá theo quy định tại điểm b, mục 1 điều 15 Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015 của Bộ T3.

Từ các căn cứ, lập luận trên đây PJICO khẳng định:

- Giấy phép khai thác hải sản số 0231/16/KTTS do **C-Sở N2** cấp ngày 16/05/2016 ấn định vùng khai thác thủy sản của Tàu cá NA-90682-TS là vùng khơi biển Việt Nam.

- Tại thời điểm xảy ra sự kiện cháy ngày 13/07/2019, tàu cá NA-90682-TS đang tiến hành khai thác thủy sản tại vị trí có tọa độ 19,28N; 106.35E thuộc vùng Vùng lộng biển Việt Nam.

- Sự kiện tàu cá NA-90682-TS bị cháy và chìm ngày 13/07/2019 khi đang tiến hành khai thác thủy sản thuộc điểm loại trừ đối với bảo hiểm thân tàu cá theo quy định tại điểm b, mục 1 điều 15 Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015 của **Bộ T3**.

Do đó, PJICO đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai tiến hành xem xét và quyết định bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình tố tụng tại tòa án, PJICO cho rằng vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai mà thuộc thẩm quyền của Tòa án nơi bị đơn có địa chỉ trụ sở theo sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại mặt sau giấy chứng nhận khai thác hải sản. Tại giấy chứng nhận khai thác hải sản số P-18/NAN/NVU/2600/0046 ngày 27/7/2018 có nội dung: “Quy tắc bảo hiểm: được chấp thuận đăng ký theo công văn số 6081/BTC-QLBH ngày 25/5/2018”. Theo đó nội dung này do sai sót trong quá trình soạn thảo, **bộ Q** bảo hiểm được áp dụng đối với tàu của anh **Trương Quang H** là **bộ Q** được chấp thuận theo công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015. Điều này đã được PJICO sửa đổi trong Văn bản sửa đổi bổ sung số E-18/NAN/NVU/2600/0046-01 ngày 27/7/2018. Việc giải thích điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với anh **Trương Quang H** được thực hiện chung khi thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP do ban chỉ đạo thực hiện Nghị định 67 cùng với **C**, đồn biên phòng, UBND thực hiện mà không giải thích riêng cho anh **Trương Quang H**. Tại “Giấy yêu cầu bảo hiểm” anh **Trương Quang H** đã được nhận bộ quy tắc bảo hiểm, được giải thích về quy tắc bảo hiểm, anh **H** đã ký tên xác nhận vào mục người yêu cầu bảo hiểm. Do đó, anh **H** khai không được giải thích và không được nhận bộ quy tắc bảo hiểm là không đúng.

- *Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị L4** khai:*

Chị **L4** là vợ của anh **Trương Quang H**. Hiện anh **H** đang khởi kiện **công ty B** yêu cầu chi trả tiền bảo hiểm do tàu đánh cá bị cháy. Chị **L4** đề nghị trường hợp anh **H** được chi trả tiền bảo hiểm thì chi trả trực tiếp cho anh **H**. Chị **L4** không liên quan đến quyền lợi gì. Đối với các thủ tục hòa giải, công khai chứng cứ Tòa án đã thực hiện chị **L4** nhất trí không có ý kiến gì.

- *Người làm chứng anh **Tô Huy T2** khai:* Anh **Trương Quang H** có mua bảo hiểm của **công ty B** tại văn phòng công ty tại **thị xã H**. Trước khi hết bảo hiểm anh **Trương Quang H** lên **văn phòng B** ký giấy yêu cầu bảo hiểm, nội dung giấy yêu cầu bảo hiểm do chủ tàu khai báo và nhân viên bảo hiểm viết vào. Bảo

hiểm PJICO là đơn vị duy nhất bán bảo hiểm khai thác hải sản ở thị xã H. Khi mua bảo hiểm anh Trương Quang H đã được nhận bộ quy tắc bảo hiểm, được giải thích về quy tắc bảo hiểm. Trước khi mua bảo hiểm công ty B có tổ chức tập huấn tại địa phương và sở nông nghiệp tổ chức để hướng dẫn giấy tờ liên quan và giải thích cho chủ tàu nắm bắt được quyền lợi và nghĩa vụ của chủ tàu cá.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 21/2023/DS - ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ các Điều 26, 35, 40, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 385, 398, 401, 429, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 29 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010, năm 2019; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Quang H. Buộc Tổng Công ty cổ phần B (PJICO) có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trương Quang H là chủ tàu cá NA90682 –TS số tiền 6.000.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2023 là 1.601.644.000 đồng. Tổng số tiền bảo hiểm và tiền lãi là 7.601.644.000 đồng (bảy tỷ, sáu trăm lẻ một triệu, sáu trăm bốn bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Tổng Công ty B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án để đảm bảo quyền lợi của bị đơn.

Tại phiên tòa:

- Bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo
- Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

Phản tranh luận, phía bị đơn cho rằng:

Bản án sơ thẩm đã không xem xét đến giá trị của Quy tắc bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ là một bộ phận cấu thành của hợp đồng bảo hiểm tàu cá giữa Pjico và chủ tàu cá NA - 90682 - TS. Trong giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số P - 18;/NAN/NVU/2600/0046 - 01 do Pjico cấp cho ông Trương Quang H ngày 27/7/2018 ghi rõ " Quy tắc bảo hiểm; Được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC - QLBH ngày 16/12/2015 của Bộ T3". Quá trình giải quyết vụ án Tòa sơ thẩm chưa xem xét giá trị pháp lý của Quy tắc bảo hiểm của Bộ T3 chấp thuận đăng ký theo Công văn 18759/BTC - QLBH ngày 16/12/2015 làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn.

Tại thời điểm ký hợp đồng bảo hiểm, nguyên đơn đã được cung cấp đầy đủ hồ

sơ, tài liệu liên quan đến việc ký kết hợp đồng bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng bảo hiểm. Do đó, với vai trò là chủ tàu buộc nguyên đơn phải biết về Quy tắc bảo hiểm và các nội dung quy định về trách nhiệm của chủ tàu cũng như điều khoản loại trừ bảo hiểm để đảm bảo quyền lợi trước khi tham gia bảo hiểm. Việc bản án sơ thẩm cho rằng bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm của mình khi giao kết hợp đồng bảo hiểm với nguyên đơn, dẫn tới nguyên đơn không nắm được quy định về loại trừ bảo hiểm là không xem xét đầy đủ các tình tiết khách quan trong vụ án và cho rằng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã giao Giấy sửa, đổi bổ sung Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản là không có căn cứ.

Tại thời điểm xảy ra sự cố cháy và chìm tàu, tàu cá của nguyên đơn đã hoạt động ngoài phạm vi cho phép và vi phạm điều cấm của pháp luật.

Do đó, **P** từ chối bồi thường bảo hiểm cho ông **Trương Quang H** đối với tổn thất cháy tàu cá NA - 90682 - TS là có căn cứ.

Phía nguyên đơn không chấp nhận ý kiến tranh luận của bị đơn, đề nghị Tòa phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm với căn cứ: Ông **Trương Quang H** chưa nhận được Quy tắc bảo hiểm và điều khoản loại trừ bảo hiểm cũng như chưa được tham gia tập huấn về Luật kinh doanh bảo hiểm như trình bày của bị đơn.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

+ Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 294 và Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền tranh tụng của các đương sự được bảo đảm.

+ Xét nội dung kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo điểm b khoản 1 Điều 40 BLTTDS quy định nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của **chi nhánh T4** thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết. Trong vụ án này, anh **Phạm Quang H7** đã đệ nộp đơn khởi kiện đến TAND TX Hoàng Mai có nghĩa là anh **H7** đã lựa chọn Tòa án nơi **Tổng công ty cổ phần B** có chi nhánh để giải quyết vụ án. Mặc dù tại Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác thủy sản thể hiện "mọi tranh chấp nếu không giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa ra tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi bị đơn đặt trụ sở để giải quyết", nhưng đối chiếu nội dung thỏa thuận nêu trên với quy định của BLTTDS thấy rằng BLTTDS không quy định thẩm quyền giải quyết vụ án theo lãnh thổ của Tòa án được xác định theo sự thỏa thuận của các bên giao kết hợp đồng. Do đó, TAND TX Hoàng Mai thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung vì các nội dung:- ông **H7** có vi phạm về vùng khai thác hải sản trên biển nên phải chịu một phần lỗi; Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ nội dung ông **H7** có phải là đối tượng phải tham gia đợt tập huấn, tuyên truyền hay không, nếu là đối tượng phải tham gia thì ông **H7** đã được thông báo để tham gia hay không, quy trình, thủ tục tổ chức tuyên truyền, tập huấn như thế nào; Tòa án cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai đầy đủ của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm mà chỉ căn cứ vào lời khai của đương sự để không triệu tập các doanh nghiệp đồng bảo hiểm tham gia tố tụng để làm rõ các bên có yêu cầu như thế nào về việc giải quyết vụ án là không phù hợp với quy định của pháp luật

Từ những phân tích nêu trên, Kiểm sát viên đề xuất chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 BLTTDS hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngày 29/9/2023, TAND thị xã Hoàng Mai xét xử sơ thẩm vụ án Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm, ngày 05/10/2023, bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đã nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của **Tổng công ty B**, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Đối với kháng cáo về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 40 BLTTDS quy định nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của **chi nhánh T4** thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết. Trong vụ án này, anh **Phạm Quang H7** đã đệ nộp đơn khởi kiện đến TAND TX Hoàng Mai có nghĩa là anh **H7** đã lựa chọn Tòa án nơi **Tổng công ty cổ phần B** có chi nhánh để giải quyết vụ án. Mặc dù tại Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác thủy sản thể hiện "mọi tranh chấp nếu không giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa ra tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi bị đơn đặt trụ sở để giải quyết", nhưng đối chiếu nội dung thỏa thuận nêu trên với quy định của BLTTDS thấy rằng BLTTDS không quy định thẩm quyền giải quyết vụ án theo lãnh thổ của Tòa án được xác định theo sự thỏa thuận của các bên giao kết hợp đồng. Do đó, **TAND thị xã Hoàng Mai** thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 BLTTDS.

[2.2] Đối với kháng cáo về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng do tàu NA-90682-TS khai thác thủy sản tại vùng lộng là vi phạm quy định của cơ quan có thẩm quyền và thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ (được chấp thuận đăng ký theo Công

văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015 của Bộ T3. Xét nội dung trình bày trên của bị đơn thấy rằng:

Theo quy định tại Điều 16, 19 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2013 thì "điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng"; "khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp B1 có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm; bên mua bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến đối tượng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm".

Theo Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số P-18/NAN/NVU/2600/0046 ngày 27/7/2018 của Công ty B thì phạm vi hoạt động của tàu NA-90682-TS là vùng biển và các vùng nước liên quan đến biển Việt Nam. Quy tắc bảo hiểm được chấp thuận theo Công văn số 6081/BTC-QLBH ngày 25/5/2018 của Bộ T3 nhưng bị đơn viện dẫn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ (được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015 của Bộ T3) để loại trừ trách nhiệm bảo hiểm là không chính xác. Tại Giấy sửa đổi, bổ sung ngày 27/7/2018 thể hiện Quy tắc bảo hiểm được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 6081/BTC-QLBH ngày 25/5/2018 của Bộ T3 được sửa đổi thành Quy tắc bảo hiểm được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2018 của Bộ T3. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng Giấy sửa đổi, bổ sung nêu trên đã được giao cho ông Phạm Quang H7 nhưng ông H7 không thừa nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trương Quang H khai rõ ông chưa được UBND xã Q hay Công ty Bảo hiểm mời đi tập huấn, tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về bảo hiểm tàu cá và các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Khi ký kết hợp đồng ông là người trực tiếp đi mua và nộp tiền bảo hiểm và ký vào đơn yêu cầu bảo hiểm theo mẫu, còn nội dung đơn để trống. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm ông mới biết được các điều khoản loại trừ bảo hiểm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không xuất trình thêm được chứng cứ mới thể hiện ông Trương Quang H đã được tham gia tập huấn, tuyên truyền, phổ biến về bảo hiểm tàu cá và những điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Đồng thời, bị đơn cho rằng khi ký "Giấy yêu cầu bảo hiểm" thì ông H đã nhận được Quy tắc bảo hiểm và được giải thích đầy đủ các trường hợp loại trừ bảo hiểm, việc giải thích các quy tắc bảo hiểm bằng hình thức trực tiếp. Tuy nhiên, trong Giấy yêu cầu bảo hiểm không thể hiện bất cứ nội dung nào về các quy định về bảo hiểm mà đơn thuần là các thông tin về người yêu cầu bảo hiểm, tình trạng, đặc điểm của đối tượng (tàu cá) được bảo hiểm. Do đó, Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự xuất trình, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa thì không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện ông H đã được thông báo hay được giao nhận hợp lệ Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm thân tàu khai

thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ (được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015 của Bộ T3), Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản (là văn bản mà nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có giá trị là hợp đồng bảo hiểm) không có điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện công ty B đã giải thích rõ cho ông H các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm khi giao kết hợp đồng theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật kinh doanh bảo hiểm. Do đó, không có căn cứ để xác định nguyên đơn đã được giải thích về các quy tắc bảo hiểm trong đó có điều khoản loại trừ bảo hiểm.

Ngoài ra, theo Giấy phép khai thác thủy sản số 0231/16/KTTS thì tàu NA-90682 - TS được phép khai thác thủy sản tại " vùng biển khơi Việt Nam" nhưng ông Trương Quang H điều khiển tàu khai thác thủy sản ở vùng lộng là vi phạm vùng được phép khai thác thủy sản quy định tại Giấy phép khai thác thủy sản nêu trên nên cần xác định ông H cũng có một phần lỗi đối với thiệt hại xảy ra. Ông H cũng thừa nhận tàu của ông chỉ được phép đánh bắt cá tại vùng khơi chứ không được đánh bắt tại vùng lộng, nhưng do khi ký kết hợp đồng bảo hiểm ông không được giải thích rõ các trường hợp loại trừ bảo hiểm nên ông không biết được việc đánh bắt cá tại vùng lộng là thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm. Do đó, lỗi này của nguyên đơn thuộc về vi phạm hành chính chứ không thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm như ý kiến của bị đơn và của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tòa án cấp sơ thẩm buộc PJICO bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra cho nguyên đơn là có căn cứ. Do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn và ý kiến của kiểm sát viên buộc ông H phải chịu một phần lỗi là không đúng quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm.

[3] Đối với ý kiến Đại diện Viện kiểm sát cho rằng Tòa sơ thẩm không xác minh xem ông H có phải là đối tượng phải tham gia tập huấn, tuyên truyền như trình bày của bị đơn hay không, Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì " *Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ.*" Do đó, trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm không có nghĩa vụ phải đi xác minh là đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến của bị đơn và Kiểm sát viên về việc Tòa sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng: Thấy rằng căn cứ Biên bản lấy lời khai (bl 240) đại diện ủy quyền của Tổng công ty B cho rằng các doanh nghiệp đồng bảo hiểm có hợp đồng nguyên tắc đồng bảo hiểm khai thác hải sản số 01/2014/ĐBH theo đó doanh nghiệp B1 đứng đầu chịu trách nhiệm giải quyết bồi thường, khiếu kiện. Các doanh nghiệp đồng bảo hiểm 1,2,3 không trực tiếp chi trả bảo hiểm mà thông qua doanh nghiệp đứng đầu nếu có chi trả bảo hiểm thì doanh nghiệp đồng bảo hiểm 1,2,3 chuyển tiền cho doanh nghiệp đứng đầu. Do đó, trong trường hợp có tranh chấp về nghĩa vụ bồi thường các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác. Do trong vụ án này giữa bị đơn và các đồng doanh nghiệp

đồng bảo hiểm chưa phát sinh tranh chấp về nghĩa vụ bồi thường và bị đơn không yêu cầu triệu tập các doanh nghiệp đồng bảo hiểm. Do đó, trong trường hợp phát sinh trách chấp về nghĩa vụ bồi thường thì các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.a

[5]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Trương Quang H** về việc buộc PJICO phải bồi thường tổng số tiền 6.000.000.000 đồng và lãi suất như quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ. Không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn về việc sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An về việc hủy bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[6]. Về án phí: Tổng công ty bảo hiểm **P** kháng cáo không chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo kháng nghị.

[8] Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn **Tổng công ty cổ phần B**. Giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS - ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí: Bị đơn Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm **B** phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số: Á/2022/0002786 ngày 18/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- TAND thị xã Hoàng Mai.
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Minh